

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIAI ĐOẠN 2011-2015

Thực hiện nội dung Công văn số 5153/BGDĐT-KHTC ngày 07/10/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2011-2015; UBND tỉnh Bình Định báo cáo tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2011-2015; cụ thể như sau:

A. Cơ sở pháp lý xây dựng báo cáo tổng kết:

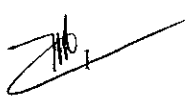
- Quyết định số 135/2009/QĐ-TTg ngày 04/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;
- Quyết định số 1210/QĐ-TTg ngày 05/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo giai đoạn 2012-2015;
- Hướng dẫn hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo giai đoạn 2011 - 2015;
- Các Quyết định, Kế hoạch của địa phương về triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo ;
- Tiến độ thực hiện kinh phí, mục tiêu, nhiệm vụ tại địa phương giai đoạn 2011-2015;

B. Nội dung báo cáo tổng kết:

I. Tình hình thực hiện kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia trung ương và huy động vốn tại địa phương giai đoạn 2011 - 2015

1. Các dự án thành phần của CTMTQG GD&ĐT được thụ hưởng

- Các dự án thành phần của CTMTQG GD&ĐT năm 2011 được thực hiện theo Quyết định số 2331/QĐ-TTg ngày 20/12/2010 của Thủ Tướng Chính phủ Ban hành Danh mục các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2011:



Dự án 1: Hỗ trợ phổ cập mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập THCS đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học;

Dự án 2: Đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục;

Dự án 3: Tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân;

Dự án 4: Hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng có nhiều khó khăn;

Dự án 5: Tăng cường năng lực đào tạo các cơ sở giáo dục;

- Các dự án thành phần của CTMTQG GD&ĐT từ năm 2012 đến 2015 được thực hiện theo Quyết định số 1210/QĐ-TTg ngày 05/9/2012 của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo giai đoạn 2012-2015:

Dự án 1: Hỗ trợ phổ cập mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập THCS đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học;

Dự án 2: Tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân;

Dự án 3: Hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng có nhiều khó khăn; hỗ trợ cơ sở vật chất trường chuyên, trường sư phạm;

Dự án 4: Nâng cao năng lực cán bộ quản lý Chương trình và giám sát đánh giá thực hiện Chương trình

2. Kinh phí CTMTQG GD&ĐT trung ương giao (Đánh giá tình hình phân giao kinh phí cho từng dự án, so sánh với kế hoạch được trung ương giao)

Dự án 1: Hỗ trợ phổ cập mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập THCS đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học;

Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2015 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 47/2011/QĐ-UBND ngày 28/12/2011; với mục tiêu cụ thể: củng cố, mở rộng mạng lưới trường, lớp bảo đảm đến năm 2015, có 95% số trẻ em trong độ tuổi 5 tuổi được học 2 buổi/ngày, tách các lớp mẫu giáo 5 tuổi riêng và đảm bảo mỗi lớp có từ 30 đến 35 trẻ; Nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục đối với các lớp mầm non 5 tuổi giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng, chuẩn bị tốt tâm thế cho trẻ vào học lớp 1; Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non, đảm bảo 100% giáo viên dạy mầm non 5 tuổi đạt chuẩn trình độ đào tạo; hỗ

trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 5 tuổi; Đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi cho các lớp mầm non theo hướng đạt chuẩn quốc gia, cụ thể: xây dựng mới 255 phòng học còn thiếu và xuống cấp, sửa chữa và nâng cấp 527 phòng học xuống cấp; xây dựng 9000 m² bếp ăn cho 150 trường chưa có bếp ăn; mua sắm 150 bộ đồ dùng, đồ chơi cho 150 trường; 725 bộ thiết bị dạy học tối thiểu trong lớp và 500 bộ thiết bị làm quen ngoại ngữ, tin học. Tổng kinh phí thực hiện Đề án: 270,525 tỷ đồng; trong đó: nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giáo dục và Đào tạo chiếm 80% là 216,420 tỷ đồng; ngân sách, tỉnh, huyện, xã và các nguồn kinh phí khác chiếm 20% 54,105 tỷ đồng.

Kế hoạch kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia Giáo dục và Đào tạo giao từ 2011 đến năm 2015 do trung ương giao so với kế hoạch do địa phương giao trên cơ sở các mục tiêu cụ thể cho từng năm để điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó				
			Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
*	Kế hoạch do Trung ương giao	55.135	7.115	19.520	13.200	8.380	6.920
*	Kế hoạch do địa phương giao	53.436	7.115	17.290	14.868	7.243	6.920
	<i>Trong đó: Hỗ trợ phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi</i>	46.228	5.700	16.345	12.140	6.593	5.450
	Chênh lệch tăng, giảm so với kế hoạch trung ương giao	1.699	0	2.230	-1.668	1.137	0

Đề án 2: Tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân;

Kế hoạch thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 23/10/2012; với mục tiêu cụ thể: Tổ chức khảo sát năng lực tiếng Anh cho 1.108 giáo viên dạy tiếng Anh các cấp; Đào tạo nâng cao năng lực tiếng Anh cho 886 giáo viên; Bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh cho khoảng 1.350 giáo viên dạy tiếng Anh tại địa phương; Mua sắm tài liệu giảng dạy 1.479 bộ tài liệu cấp tiểu học; 2.428 bộ tài liệu cấp THCS; 1.095 bộ tài liệu cấp THPT và 18 bộ tài liệu TCCN và dạy nghề; mua sắm thiết bị dạy học tối phục vụ giảng dạy ngoại ngữ, với số lượng : 1.588 Cassette; 691 Projector và 691 màn chiếu; mua sắm thiết bị phòng học ngoại ngữ đa năng, với số lượng : 241 phòng cấp tiểu học; 148 phòng cấp THCS; 50 phòng cấp THPT và 4 phòng cho TCCN và DN. Tổng kinh phí thực hiện: 176,078 tỷ đồng; nguồn vốn từ ngân sách nhà nước được bố trí trong Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo; ngân sách nhà

nước cấp hàng năm cho ngành giáo dục và đào tạo (phần đầu tư tập trung để thực hiện Đề án) và vốn huy động hợp pháp khác.

Kế hoạch kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia Giáo dục và Đào tạo giao từ 2011 đến năm 2015 do trung ương giao so với kế hoạch do địa phương giao trên cơ sở các mục tiêu cụ thể cho từng năm để điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó				
			Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
*	Kế hoạch do Trung ương giao	12.260	3.290	3.100	3.000	870	2.000
*	Kế hoạch do địa phương giao	13.897	3.290	5.099	3.000	508	2.000
	Chênh lệch tăng, giảm so với kế hoạch trung ương giao	-1.637	0	-1.999	0	362	0

Dự án 3: Hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng có nhiều khó khăn; hỗ trợ cơ sở vật chất trường chuyên, trường sư phạm;

Kế hoạch Dự án 3 chủ yếu là hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng có nhiều khó khăn; hỗ trợ cơ sở vật chất trường chuyên, trường sư phạm và triển khai thực hiện Đề án “Củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú giai đoạn 2011-2015” theo Quyết định số 1640/QĐ-TTg ngày 21/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ; với mục tiêu cụ thể:

a) Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú giai đoạn 2011-2015” theo Quyết định số 1640/QĐ-TTg ngày 21/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ:

- Đầu tư xây dựng bổ sung các hạng mục công trình cho 5 trường phổ thông dân tộc nội trú (01 trường PTDTNT tỉnh và 04 trường PTDTNT huyện) theo tiêu chuẩn trường trung học đạt chuẩn quốc gia và đảm bảo các điều kiện dạy học nội trú với nội dung chủ yếu:

+ Xây dựng 26 phòng học bộ môn phù hợp theo cấp học (04 phòng vật lý, 05 phòng hóa học, 04 phòng sinh học; 04 phòng công nghệ; 04 phòng tin học; 05 phòng ngoại ngữ) với diện tích xây dựng khoảng 2.392 m².

+ Xây dựng 02 thư viện (theo quy mô trường huyện), 03 phòng đội; 04 phòng truyền thống, 05 nhà sinh hoạt GDVHDT; 03 nhà đa chức năng) với diện tích xây dựng khoảng 2.958 m².

+ Xây dựng 01 phòng làm việc của Hiệu trưởng, 03 phòng làm việc của Phó hiệu trưởng, 02 văn phòng trường; 03 phòng họp toàn thể cán bộ và viên chức nhà trường, 01 phòng giáo viên, 01 phòng y tế học đường, 04 phòng hành chính quản

trị, 03 phòng bảo vệ thường trực, 04 nhà kho với diện tích xây dựng khoảng 905 m².

+ Xây dựng 08 nhà ở công vụ cho giáo viên, 42 phòng ở nội trú cho học sinh; xây mới và mở rộng 03 nhà ăn cho học sinh; 04 phòng giáo vụ và quản lý học sinh với diện tích xây dựng khoảng 4.192 m².

+ Xây dựng 04 công trình vệ sinh giáo viên, 05 khu vệ sinh cho học sinh (xây dựng khu độc lập) với diện tích xây dựng khoảng 286 m².

+ Đầu tư 04 công trình cấp nước sạch (bao gồm giếng nước, bể lọc, bể chứa)

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán:

+ Tổ chức bồi dưỡng cho khoảng 136 cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán các trường phổ thông dân tộc nội trú về đổi mới công tác quản lý giáo dục, nội dung và phương pháp giáo dục học sinh dân tộc; về tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh; về tổ chức nội trú; về giáo dục văn hóa dân tộc và kiến thức địa phương.

+ Tổ chức bồi dưỡng cho khoảng 79 cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn các trường phổ thông dân tộc nội trú về tiếng dân tộc thiểu số phục vụ cho giao tiếp và quản lý giáo dục.

+ Tập huấn cho khoảng 79 cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn các trường phổ thông dân tộc nội trú về công tác hướng nghiệp, tư vấn nghề và dạy nghề truyền thống.

Tổng dự toán kinh phí để thực hiện là: **55,659 tỷ đồng**; (trong đó: Kinh phí đầu tư xây dựng bổ sung các hạng mục công trình là **54,463 tỷ đồng**)

b) Kế hoạch hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng có nhiều khó khăn, hỗ trợ cơ sở vật chất trường chuyên, trường sư phạm

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó				
			Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
*	Kế hoạch do Trung ương giao	91.390	15.750	36.250	24.690	9.150	5.550
*	Kế hoạch do địa phương giao	92.889	15.750	36.250	24.690	10.649	5.550
	<i>Trong đó</i>						
1	Hỗ trợ thực hiện Đề án 1640 (QĐ 1640/QĐ-TTg)	37.766	0	14.831	9.328	9.400	4.207
2	Hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn	35.695	15.750	8.919	9.462	649	915
3	Hỗ trợ CSVC trường chuyên	8.400	0	4.500	3.900	0	0
4	Hỗ trợ CSVC trường sư phạm.	11.028		8.000	2.000	600	428
Chênh lệch tăng, giảm so với kế hoạch trung ương giao		-1.499	0	0	0	-1.499	0

Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giáo dục và Đào tạo trung ương giao thuộc Dự án 3 từ năm 2011 đến năm 2015 cho địa phương đã giải quyết được một số khó khăn về cơ sở vật chất cho các trường Mầm non, Tiểu học, THCS; THCS bán trú và THPT ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn, xây dựng bổ sung đủ phòng học, sửa chữa kịp thời một số phòng xuống cấp và một số công trình phụ trợ khác phục vụ dạy và học cho giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn. Hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất trường Sư phạm và trường THPT chuyên trên địa bàn tỉnh. Nhất là kinh phí triển khai thực hiện Đề án “Củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú giai đoạn 2011-2015” theo Quyết định số 1640/QĐ-TTg ngày 21/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ tại địa phương giai đoạn 2011-2015 đạt 37,766 tỷ đồng; đạt 69,34% so với Đề án được phê duyệt (37,766/54,463 tỷ đồng).

3. Huy động vốn đối ứng từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Để thuận lợi cho công tác quản lý, thực hiện và quyết toán vốn đầu tư, nên khi bố trí vốn cho các dự án, công trình kế hoạch vốn được bố trí theo nguồn vốn không bố trí lồng ghép nhiều dự án. Vì vậy, các dự án, công trình thuộc nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia được bố trí kế hoạch vốn đến khi hoàn thành không bố trí lồng ghép với các nguồn vốn khác. Vốn đối ứng từ ngân sách địa phương (bao gồm: ngân sách tỉnh, thành phố, thị xã, huyện, xã và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác) được bố trí cho các dự án khác, giai đoạn 2011-2015 vốn đối ứng của địa phương tập trung vào xây dựng cơ sở vật trường học theo Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2015; Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân đến năm 2020 và tăng cường cơ sở vật trường học theo chương trình xây dựng nông thôn mới.

II. Tình hình thực hiện và các kết quả đạt được của chương trình mục tiêu quốc gia Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2011 - 2015

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình:

- Mục tiêu hỗ trợ phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học:

Tháng 05/1998 tỉnh Bình Định được công nhận đạt chuẩn quốc gia về CMC và PCGD tiểu học, tháng 11/2005 được công nhận đạt chuẩn quốc gia về PCGD



tiêu học đúng độ tuổi, tháng 7/2004 được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục Trung học cơ sở, đến nay kết quả phổ cập giáo dục được duy trì.

Thực hiện Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, Sở Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2015 trình UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 47/2011/QĐ-UBND ngày 28/12/2011, Sở Giáo dục và Đào tạo đã triển khai thực hiện Đề án, đến nay công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi được thực hiện đúng kế hoạch của đề án đến tháng 7 năm 2015 có 11/11 huyện, tx, tp được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, Sở Giáo dục và Đào tạo đang hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, hoàn thành công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi đúng mục tiêu, kế hoạch đề ra; Trong đó: kinh phí từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo giai đoạn từ năm 2011-2015 đã được đầu tư mua sắm 854 bộ thiết bị dạy học tối thiểu trong lớp đạt 117,79 % (854/725); Đồ chơi ngoài trời 150 trường/150 trường đạt 100 %; thiết bị làm quen ngoại ngữ, tin học dùng cho giáo dục mầm non 410 bộ đạt 82 % so với kế hoạch của Đề án, tất cả các thiết bị dạy học được đưa vào phục vụ cho dạy học và vui chơi cho trẻ em đảm bảo đúng mục đích, có hiệu quả, góp phần thực hiện thành công Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2015; với tổng kinh phí đã thực hiện 42,888 tỷ đồng/46,228 tỷ đồng; đạt 92,75 % so với kế hoạch kinh phí Trung ương hỗ trợ cho Đề án.

Ngoài nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo hỗ trợ cho Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Ngân sách địa phương đã tập trung đầu tư xây dựng mới 338 phòng học, phòng chức năng; với tổng kinh phí đầu tư là 239,669 tỷ đồng; thực hiện chính sách tiền lương cho giáo viên mầm non hợp đồng 154,947 tỷ đồng và hỗ trợ một số hoạt động khác đã góp phần cho sự thành công của Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2015.

- Mục tiêu tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Thực hiện Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020”, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tiến hành xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân đến



năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 23/10/2012.

Căn cứ vào mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện của Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án. Đến nay, Bình Định đã triển khai dạy học chương trình tiếng Anh 10 năm ở các khối lớp 3, lớp 4, lớp 5, lớp 6, lớp 7, lớp 8, lớp 10, lớp 11 và lớp 12 theo Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 cho 181/246 trường TH (đạt tỷ lệ 73,58%), 129/151 trường THCS (tỷ lệ 83,43%) và 22/53 trường THPT (tỷ lệ 42,31%). Các trường học đã triển khai nằm trên tất cả các địa bàn thành phố, thị xã, vùng nông thôn và miền núi. Tổng cộng có 46.110 học sinh học chương trình tiếng Anh theo Đề án, trong đó: Tiểu học: 28.896 học sinh; THCS: 13.608 học sinh; THPT: 3606 học sinh.

Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên dạy tiếng Anh và khảo sát năng lực tiếng Anh cho giáo viên dạy tiếng Anh các cấp học, kết quả đạt được như sau:

TT	Cấp	Tổng số giáo viên dạy tiếng Anh	Kết quả khảo sát, đào tạo, bồi dưỡng đến năm 2015		Chia theo chuẩn Châu Âu		Giáo viên đến năm 2015 chưa đạt chuẩn	
			Số GV đạt chuẩn	Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	C1	B2	Số Giáo viên	Tỷ lệ giáo viên chưa đạt chuẩn
1	THPT	354	339	95,76	339		15	4,24
2	THCS	581	519	89,33	9	510	62	10,67
3	Tiểu học	373	325	87,13	5	320	48	12,87
4	GDCN	28	15	53,57	15		13	46,43
Tổng số		1.336	1.198	89,67	368	830	138	10,33

Giáo viên dạy tiếng Anh các cấp đạt chuẩn khung năng lực Châu Âu đến năm 2015 là 1.198 giáo viên/1.336 giáo viên, đạt tỷ lệ 89,67 %, vượt chỉ tiêu đề ra đến năm 2020.

- Mục tiêu bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên dạy tiếng Anh, từ năm 2011 đến năm 2015 nguồn kinh phí từ chương trình mục tiêu chủ yếu tập trung cho công tác khảo sát, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên dạy tiếng Anh và xây dựng các trường mô hình điển hình về đổi mới phương pháp giảng dạy tiếng Anh, kết quả thực hiện đến năm 2015 xây dựng được 03 trường mô hình điển hình về đổi mới phương pháp giảng dạy tiếng Anh (Tiểu học 01 trường; THCS 01 trường và THPT 01 trường) tính đến năm 2015 chỉ đạt 50 % so với chỉ tiêu đề ra cho năm 2014; 2015 là 6 trường.

- Mục tiêu về đầu tư trang thiết bị dạy học ngoại ngữ theo kế hoạch triển khai thực hiện Đề án đã được phê duyệt:

+ *Mua sắm thiết bị tối thiểu*

Kế hoạch:

Năm	Tên thiết bị	Tiêu học	THCS	THPT	TCCN	Tổng số	Ghi chú
Số trường		241	148	50	4	443	
2012 đến 2015	Cassette	288	295	147	8	738	
	Projector	144	118	63	2	327	
	Màn chiếu	144	118	63	2	327	
2016 đến 2020	Cassette	194	445	203	8	850	
	Projector	97	178	87	2	364	
	Màn chiếu	97	178	87	2	364	

Kết quả thực hiện đến năm 2015, thiết bị thông dụng: máy chiếu: 84 cái/327 cái, đạt 25,68 %; màn chiếu: 84 cái/327 cái, đạt 25,68 %; máy Cassette: 168 cái/738 cái đạt 22,76 %, tính đến giai đoạn 2011-2015 chưa đạt chỉ tiêu đề ra.

+ *Mua sắm thiết bị phòng học ngoại ngữ đa năng*

Kế hoạch (số lượng tối thiểu)

Năm	Đơn vị tính	Kế hoạch trang bị				Ghi chú
		Tiêu học	THCS	THPT	TCCN	
2012 đến 2015	Số trường	144	59	21	2	
	Thiết bị (phòng)	144	59	21	2	
	%	60%	40%	42%	50%	
2016 đến 2020	Số trường	97	89	29	2	
	Thiết bị (phòng)	97	89	29	2	
	%	40%	60%	58%	50%	
Cộng	Số trường	241	148	50	4	
	Thiết bị (phòng)	241	148	50	4	

Kết quả thực hiện đầu tư mua sắm thiết bị phòng học ngoại ngữ đa năng đến năm 2015 là **202** phòng; *trong đó*: cấp tiêu học 48 phòng/241 phòng đạt 19,92 %; cấp THCS 82 phòng/148 phòng đạt 55,41%; cấp THPT 70 phòng/50 phòng đạt và vượt kế hoạch; TCCN 2 phòng/4 phòng đạt 50%

Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2011-2015: 78,293 tỷ đồng

- *Trong đó*:

+ Kinh phí CTMTQG: 13,405 tỷ đồng;

+ Kinh phí sự nghiệp giáo dục: 62,986 tỷ đồng;

+ Kinh phí huy động khác: 1,902 tỷ đồng

- Mục tiêu thực hiện Đề án “Củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú giai đoạn 2011-2015” theo Quyết định số 1640/QĐ-TTg ngày 21/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Đề án Củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh Bình Định bắt đầu triển khai từ năm 2012 đến năm 2013 (năm 2014 và 2015 không triển khai các hạng mục mới vì không có kinh phí) với kết quả triển khai đầu tư cơ sở vật chất trường học tại 05 trường PTDTNT trong đó: 01 trường PTDTNT tỉnh và 04 trường PTDTNT huyện như sau:

Khối phòng bộ môn: 26 Phòng;

Khối phòng phục vụ học tập:

Trong đó: 1. Phòng đoàn đội: 01 Phòng;
2. Phòng truyền thống: 01 Phòng;
3. Nhà Đa chức năng: 02 Nhà;

Khối phòng hành chính - quản trị:

Trong đó: 1. Phòng Phó Hiệu trưởng: 02 Phòng;
2. Phòng Văn phòng trường: 01 Phòng;
3. Phòng họp hội đồng: 02 Phòng;
4. Phòng hành chính quản trị: 03 Phòng;
5. Phòng Bảo vệ, thường trực: 02 Phòng;
7. Nhà kho: 02 Nhà;

Khối phục vụ nội trú:

Trong đó: 1. Phòng công vụ cho giáo viên: 06 Phòng;
2. Phòng nội trú cho học sinh: 40 Phòng;
3. Nhà ăn cho học sinh: 02 Nhà;

Công trình vệ sinh và cấp nước sinh hoạt:

Trong đó: 1. Khu vệ sinh cho học sinh: 01 Khu;
2. Khu vệ sinh cho giáo viên: 03 Khu;
3. Công trình cấp thoát nước sinh hoạt: 01 Công trình;

Tất cả các công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

+ Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện: 44.475,494 triệu đồng; Trong đó giá trị khối lượng hoàn thành đã thanh toán: 36.727,966 triệu đồng; nợ khối lượng chưa thanh toán 7.744,528 triệu đồng (nợ khối lượng hoàn thành chưa thanh toán dự kiến bố trí từ vốn địa phương để chi trả)

+ Các hạng mục, công trình chưa triển khai:

Khối phòng phục vụ học tập: 13 Phòng;
Khối phòng hành chính - quản trị: 10 phòng;
Khối phục vụ nội trú: 09 phòng;

+ *Hỗ trợ xây dựng, cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục miền núi, vùng khó khăn.*

Hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất cho các trường bán trú, trường có nhiều học sinh dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, góp phần giảm bớt một phần khó khăn về cơ sở vật chất trường học; với kết quả thực hiện được: xây dựng mới 14 phòng học; sửa chữa 36 phòng học; xây dựng 02 nhà hiệu bộ; 44 phòng học bộ môn; 01 khu vệ sinh, 580 mét tường rào và 1.000 m² đường nội bộ.

+ *Hỗ trợ cơ sở vật chất trường chuyên và trường/khoa sư phạm.*

Đầu tư hoàn chỉnh nhà làm việc 5 tầng cho cán bộ, giảng viên, xưởng thực hành 950 m² và thiết bị công nghệ thông tin cho trường Cao đẳng Bình Định. Đối với trường chuyên được UBND tỉnh quan tâm cấp bổ sung 10.000 m² đất để mở rộng mặt bằng sân trường, xây dựng mới cổng ngõ tường rào tại khu đất mới, Khu ký túc xá cho học sinh nội trú đã giải quyết được một phần khó khăn về cơ sở vật chất cho đại phương.

- *Nâng cao năng lực cán bộ quản lý Chương trình và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình*

Thực hiện đến năm 2015: bồi dưỡng nâng cao năng lực cho 750 cán bộ, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng các cấp học về năng lực giám sát, đánh giá các hoạt động của Chương trình đạt 59,05 % (750/1.270 cán bộ quản lý).

- Nguồn vốn thực hiện giai đoạn 2011-2015:

Tổng số vốn đã thực hiện: **495,450 tỷ đồng**

Trong đó:

Kinh phí chương trình MTQG: 189,250 tỷ đồng;

Kinh phí đối ứng của địa phương: 304,297 tỷ đồng;

Kinh phí hợp pháp khác: 1,902 tỷ đồng.

2. Các Đề án đã được Chính phủ phê duyệt tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

- Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2015 được phê duyệt theo Quyết định 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ

Nhằm tiếp tục duy trì và giữ vững kết quả phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi. Đề nghị bổ sung kinh phí giai đoạn 2016-2020 để duy trì kết quả phổ cập và mua sắm bổ sung thiết bị dạy học trong lớp 435 lớp; đồ chơi ngoài trời 25 trường và thiết bị làm quen ngoại ngữ tin học 150 bộ: **29,250 tỷ đồng;**

Nguyên nhân do địa bàn thực tế tại địa phương không thể tách các lớp học cho trẻ 5 tuổi học riêng, phải học chung các lớp từ 3 đến 5 tuổi, nên số lớp phải đầu tư

mua sắm thiết bị dạy học cao hơn so với Đề án được duyệt. Vì vậy, cần mua sắm bổ sung thiết bị dạy học cho giáo dục mầm non nhằm duy trì bền vững kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Đề án Cùng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú giai đoạn 2011-2015 theo Quyết định số 1640/QĐ-TTg ngày 21/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ được triển khai thực hiện từ năm 2012 đến năm 2015. Do khó khăn về kế hoạch vốn bố trí cho Đề án nên đến năm 2015 một số hạng mục công trình theo Đề án đã phê duyệt vẫn chưa triển khai, bao gồm: Khối phòng phục vụ học tập: 9 phòng; khối phòng hành chính quản trị: 10 phòng; Khối phòng phục vụ nội trú: 7 phòng; công trình vệ sinh và cấp nước sinh hoạt: 08 công trình; thiết bị đồ gỗ và thiết bị dạy học. Đề nghị cho tiếp tục thực hiện một số hạng mục công trình theo Dự án cùng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú theo Quyết định số 1640/QĐ-TTg ngày 21/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ trong giai đoạn 2016-2020; với tổng kinh phí **49,328 tỷ đồng**

III. Công tác quản lý CTMTQG GD&ĐT

1. Công tác tổ chức, chỉ đạo thực hiện kế hoạch, lập kế hoạch và dự toán kinh phí hàng năm của địa phương.

a) Công tác quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện ở địa phương:

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1843/QĐ-CTUBND ngày 30/8/2012 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Định giai đoạn 2012-2015; Quyết định số 1844/QĐ-CTUBND ngày 30/8/2012 về việc Ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Định giai đoạn 2012-2015. Trong đó: Tổ giúp việc của Sở Giáo dục và Đào tạo trực tiếp quản lý và điều hành các Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã căn cứ theo Quyết định số 1640/QĐ-TTg ngày 21/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Cùng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú giai đoạn 2011-2015; Quyết định số 179/QĐ-BGDĐT ngày 13/01/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai Quyết định số 1640/QĐ-TTg ngày 21/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Cùng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú giai đoạn 2011-2015”; Công văn số 2182/BGDĐT-GDDT ngày 12/4/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án “Cùng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú giai đoạn 2011-2015” đã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Cùng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú giai đoạn 2011-2015” trên địa bàn tỉnh Bình Định để làm cơ sở tổ chức thực hiện.



b) Việc phê duyệt kế hoạch thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn

Căn cứ kế hoạch kinh phí chương trình mục tiêu của Trung ương giao và Quyết định phê duyệt kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo của UBND tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, dự kiến phân bổ kinh phí trình Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp và đề xuất trình Ban chỉ đạo cấp tỉnh và UBND nhân dân tỉnh, trình Thường trực HĐND tỉnh và được sự thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh bằng văn bản, UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch. Kinh phí chương trình MTQG giáo dục và đào tạo được giao theo phân cấp quản lý ngân sách địa phương.

c) Phân cấp quản lý, thẩm định và phê duyệt các dự án đầu tư thực hiện chương trình.

- Việc phân cấp quản lý các Chương trình MTQG tại địa phương:
 - + Khối các phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố quản lý, Sở Tài chính thông báo kế hoạch kinh phí về UBND huyện, thành phố để thực hiện đối với cấp học Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở.
 - + Khối Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý, Sở Tài chính thông báo kế hoạch kinh phí cho Sở Giáo dục và Đào tạo để Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo kinh phí (giao dự toán) cho các đơn vị trực thuộc. Riêng đối với kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia được UBND tỉnh giao mua sắm thiết bị tập trung, được Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý, tổ chức mua sắm và cung cấp cho các trường học (bao gồm các trường trực thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo).
 - + Công tác quản lý, quyết toán nguồn kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo được thực hiện quản lý và báo cáo tài chính năm theo Luật ngân sách và phân cấp quản lý ngân sách địa phương.
 - + Việc thực hiện cơ chế quản lý, phân cấp, phân bổ vốn chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo theo phân cấp quản lý ngân sách nhằm tăng cường trách nhiệm trong công tác quản lý và đảm bảo có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo của các địa phương mà địa phương được thụ hưởng, kể cả việc các địa phương đầu tư thêm kinh phí nhằm góp phần hoàn thiện chương trình, mục tiêu đã đề ra.
- Thẩm quyền phê duyệt và quy trình phê duyệt dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo:

Trong hoạt động xây dựng cơ bản được thực hiện theo Quyết định số 21/2010/QĐ-UBND ngày 07/9/2010 của UBND tỉnh về việc ủy quyền, phân cấp và phân công trách nhiệm phê duyệt dự án đầu tư, dự toán và quản lý đấu thầu trong hoạt động xây dựng.

Trong hoạt động thường xuyên sự nghiệp giáo dục được thực hiện theo Quyết định số 1704/QĐ-CTUBND ngày 11/8/2008; Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 22/5/2013 của UBND tỉnh Bình Định phân công trách nhiệm thẩm

định trong đấu thầu đối với gói thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước bằng vốn nhà nước thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

d) Quy trình lập kế hoạch, phân bổ vốn và giao kế hoạch.

- Quy trình lập kế hoạch và xây dựng dự toán chương trình: Công tác xây dựng kế hoạch, xây dựng dự toán do Sở Giáo dục và Đào tạo trực tiếp thực hiện và báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo (hàng năm có trao đổi dự toán với Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Công tác phân bổ dự toán, Sở Giáo dục và Đào tạo là thành viên tham gia đề xuất phân bổ dự toán kinh phí CTMTQGGD&ĐT, trình UBND tỉnh phê duyệt phân bổ dự toán CTMTQGGD&ĐT do Sở KH-ĐT thực hiện.

- Do phân cấp ngân sách, trong đó có phân cấp kinh phí CTMTQGGD&ĐT về khối huyện, thành phố quản lý, nhưng trong văn bản hiện hành của Nhà nước về CTMTQGGD&ĐT chưa quy định rõ sự tham gia của các phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố. Do vậy, một số phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố chưa nắm bắt được các thông tin chính về kinh phí CTMTQGGD&ĐT.

- Cơ chế quản lý và lồng ghép giữa các chương trình và dự án. Hiện nay chưa thực hiện được vì Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ quản lý được một CTMTQGGD&ĐT và không tham gia quản lý vào các dự án khác.

- Việc thực hiện dự toán NSTW: Để các địa phương chủ động hơn trong triển khai dự toán NSTW để thực hiện các mục tiêu đề ra của từng chương trình. Dự toán NSTW nên giao dự toán tổng thể cho cả chương trình và mục tiêu đề ra cho từng chương trình, việc phân rẽ dự toán chi tiết cho từng chương trình, dự án cần có sự gắn kết với việc bố trí NSDP và các nguồn vốn huy động khác để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình, dự án nên quy định cho địa phương thực hiện.

- Việc sử dụng hết kinh phí, đúng mục đích cần có sự điều chỉnh giữa các chương trình, dự án. Vì dự toán đầu năm không thể chính xác và không lường được những tác động của tình hình kinh tế - xã hội.

2 . Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án.

Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các Sở, ngành, các địa phương tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức cho đồng bào các dân tộc về nhiệm vụ tạo nguồn đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số, tính chất chuyên biệt của trường phổ thông dân tộc nội trú; đôn đốc các địa phương trong công tác quy hoạch, quản lý, đào tạo, bố trí sử dụng học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú, cán bộ người dân tộc thiểu số và kiểm tra gia giám sát, đánh giá tiến độ thực hiện Kế hoạch Đề án đã đề ra.

Tuy nhiên, phần lớn các chương trình đều do cơ quan thực hiện chương trình giám sát, đánh giá; hiện nay nhà nước chưa ban hành thể chế cũng như các chính

sách quy định cụ thể trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện và đánh giá tác động các chương trình mục tiêu quốc gia.

IV. Đánh giá chung tác động của Chương trình

Hiệu quả kinh tế - xã hội từ các chương trình đã mang lại kết quả rất thiết thực đối với ngành Giáo dục và Đào tạo, tạo điều kiện quan trọng và có ý nghĩa rất lớn trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội của các địa phương cũng như các ngành, nhất là giáo dục vùng dân tộc, miền núi, vùng khó khăn có điều kiện tiếp cận đầy đủ về giáo dục rút ngắn khoảng cách về giáo dục so với khu vực đồng bằng và thành thị.

V. Những hạn chế, yếu kém còn tồn tại của giai đoạn 2011- 2015

- Về kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo hàng năm được Trung ương phân bổ chưa đáp ứng với mục tiêu, nhiệm vụ theo kế hoạch. Hơn nữa, do ngân sách địa phương gặp khó khăn nên việc bố trí kinh phí đối ứng cho các mục tiêu thuộc vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo rất hạn chế;

- Đối với cơ chế lồng ghép các chương trình, dự án như hiện nay chưa có quy định về lồng ghép giữa các chương trình, dự án hoặc lồng ghép vốn giữa trung ương và địa phương. Nhằm đảm bảo hiệu quả của việc lồng ghép, phân bổ, sử dụng nguồn NSTW giao cho địa phương cần ban hành văn bản quy định cơ chế lồng ghép giữa các chương trình, dự án hoặc tỷ lệ % lồng ghép giữa vốn NSTW và ngân sách địa phương để triển khai thực hiện chương trình, dự án đạt mục tiêu đề ra.

- Việc phân cấp ngân sách tại địa phương vẫn còn bất cập; trong đó có phân cấp kinh phí CTMTQGGD&ĐT về khối huyện, thành phố quản lý (bao gồm kinh phí chi thường xuyên và kinh phí sự nghiệp có tính chất đầu tư). Tuy nhiên, việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thì các huyện, thị xã, thành phố chỉ quản lý kinh phí chi thường xuyên, không quản lý kinh phí sự nghiệp có tính chất đầu tư nên công tác tổng hợp báo cáo kinh phí chương trình theo quy định gặp rất nhiều khó khăn.

VI. Các kiến nghị với Trung ương

- Kinh phí CTMTQGGD&ĐT giữ vai trò rất quan trọng trong tổng số nguồn kinh phí mà Nhà nước đầu tư cho giáo dục, ngoài kinh phí chi thường xuyên SNGD (dùng chủ yếu để chi lương, chi giảng dạy và học tập), nhờ có nguồn kinh phí CTMTQGGD&ĐT đầu tư mà cơ sở vật chất trường học, trang thiết bị phục vụ cho dạy học được từng bước nâng cao (về số lượng và chất lượng). Vì vậy, giai

đoạn 2016-2020 Trung ương cần duy trì CTMTQGGD&ĐT cho một số mục tiêu quan trọng phù hợp với yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, cơ chế quản lý Chương trình được thực hiện theo Bộ chủ quản có Chương trình mục tiêu quốc gia;

- Việc xử lý các mục tiêu chưa hoàn thành trong giai đoạn 2011-2015 phải chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020. Đề nghị Trung ương bổ sung vốn và cho kéo dài thời gian thực hiện Chương trình đến khi hoàn thành hoặc đưa vào Chương trình hỗ trợ có mục tiêu của Trung ương để giải quyết khó khăn về kinh phí cho các địa phương, nhất là kinh phí đầu tư đã hoàn thành nhưng chưa bố trí vốn để thanh toán và một số hạng mục đã phê duyệt nhưng chưa triển khai và hoàn thành trong giai đoạn 2011-2015;

- Việc lồng ghép chương trình MTQG về xây dựng cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn từ cấp học Mầm non đến Trung học cơ sở vào chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng Nông thôn mới đề nghị trung ương cần có cơ chế quy định cụ thể về cơ quan quản lý chương trình và tổ chức thực hiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

(Số liệu chi tiết tại phụ lục số 01a; 01b và phụ lục số 02 kèm theo)

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- CT, PCT Mai Thanh Thắng;
- Các Sở: KH&ĐT, TC;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K9. *ML*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Thanh Thắng

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRUNG ƯƠNG PHÂN BỐ
Giai đoạn 2011 - 2015

Đơn vị: triệu đồng

STT	Dự án	Tổng dự toán được phân bổ giai đoạn 2011-2015	Chia ra				
			Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
A	B	I= 2+3+4+5+6	2	3	4	5	6
	Tổng cộng = (Dự án 1+ Dự án 2+Dự án 3+ Dự án 4 + Dự án 5 + Dự án 6)	189.250	55.800	59.250	41.080	18.500	14.620
1	Dự án 1: Hỗ trợ phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học	51.999	7.115	17.521	13.200	7.243	6.920
	Trong đó: Hỗ trợ phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi	46.228	5.700	16.345	12.140	6.593	5.450
2	Dự án 2: Tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân	13.897	3.290	5.099	3.000	508	2.000
2.1	Khảo sát và bồi dưỡng giáo viên	6.917	290	2.019	3.000	508	1.100
2.2	Hỗ trợ mua sắm thiết bị dạy và học ngoại ngữ	6.980	3.000	3.080	0	0	900
2.3	Hoạt động khác	0	0	0	0	0	0
3	Dự án 3: Hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn, hỗ trợ CSVC trường chuyên, trường sư phạm (3=3.1+3.2+3.3+3.4+3.5)	92.889	15.750	36.250	24.690	10.649	5.550
	Trong đó: Nguồn vốn đầu tư	0	0	0	0	0	0
3.1	Hỗ trợ thực hiện Đề án 1640 (QĐ 1640/QĐ-TTg)	37.766	0	14.831	9.328	9.400	4.207
3.2	Hỗ trợ thực hiện Đề án 2123 (QĐ 2123/QĐ-TTg)	0	0	0	0	0	0
3.3	Hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn	35.695	15.750	8.919	9.462	649	915
3.4	Hỗ trợ CSVC trường chuyên	8.400	0	4.500	3.900	0	0
3.5	Hỗ trợ CSVC trường sư phạm	11.028	0	8.000	2.000	600	428
4	Dự án 4: Nâng cao năng lực cán bộ quản lý Chương trình và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình	820	0	380	190	100	150
5	Dự án 5: Đào tạo nguồn nhân lực CNTT và ứng dụng CNTT trong giáo dục	1.645	1.645	X	X	X	X
6	Dự án 6: Tăng cường năng lực đào tạo các cơ sở giáo dục	28.000	28.000	X	X	X	X

Ghi chú: Đây là số liệu tổng hợp kinh phí CTMTQG GDĐT TW đã xây dựng dự toán và phân bổ cho địa phương

Các đơn vị không thêm, bớt dòng và cột.

**BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Dự án	Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2011-2015	Kinh phí CTMT TW thực hiện giai đoạn 2011 -2015					
			Tổng số	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
A	B	1= 2 + 8	2=3+...+7	3	4	5	6	7
	Tổng cộng = (Dự án 1+ Dự án 2+Dự án 3+ Dự án 4 + Dự án 5 + Dự án 6	252.236,20	189.250,00	55.800,00	35.351,32	51.710,82	31.767,86	14.620,00
1	Dự án 1: Hỗ trợ phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học (1= 1.1+1.2+1.3)	50.657,03	50.657,03	6.009,40	2.520,71	16.403,29	19.069,45	6.654,18
1.1	Hỗ trợ phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi	45.450,61	45.450,61	5.000,00	1.135,69	14.741,29	18.419,45	6.154,18
	Trong đó: Mua sắm thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	42.880,07	42.880,07	5.000,00	-	14.741,29	17.754,61	5.384,18
1.2	Hỗ trợ xóa mù chữ, chống tái mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học	880,00	880,00	550,00	330,00	-	-	-
1.3	Hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học	4.326,42	4.326,42	459,40	1.055,02	1.662,00	650,00	500,00
2	Dự án 2: Tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân (2=2.1+2.2+2.3)	76.391,30	13.405,10	3.289,80	5.410,10	3.000,00	193,00	1.512,20
2.1	Khảo sát và bồi dưỡng giáo viên	9.743,20	7.047,20	289,80	2.366,00	3.000,00	193,00	1.198,40
2.2	Hỗ trợ mua sắm thiết bị dạy và học ngoại ngữ	66.648,10	6.357,90	3.000,00	3.044,10	-	-	313,80
2.3	Hoạt động khác	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự án 3: Hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn, hỗ trợ CSVC trường chuyên, trường sư phạm	97.365,68	97.365,68	19.476,01	27.060,51	32.118,53	12.406,41	6.304,22
	Trong đó: Nguồn vốn đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Hỗ trợ thực hiện Đề án 1640 (QĐ 1640/QĐ-TTg) (3.1=3.1.1+3.1.2)	34.125,78	34.125,78	-	8.922,92	15.354,99	4.881,55	4.966,32
	Trong đó: Hỗ trợ trường có trong danh sách 48 trường PTDTNT tại QĐ 1640/QĐ-TTg	-	-	-	-	-	-	-
	: Trong đó nguồn vốn đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
3.1.1	Kinh phí mua sắm thiết bị dạy học	-	-	-	-	-	-	-
3.1.2	Kinh phí cải tạo, nâng cấp CSVC	34.125,78	34.125,78	-	8.922,92	15.354,99	4.881,55	4.966,32
3.2	Hỗ trợ thực hiện Đề án 2123 (QĐ 2123/QĐ-TTg) (3.2 = 3.2.1+3.2.2)	-	-	-	-	-	-	-
3.2.1	Kinh phí mua sắm thiết bị dạy học	-	-	-	-	-	-	-
3.2.2	Kinh phí cải tạo, nâng cấp CSVC	-	-	-	-	-	-	-
3.3	Hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn (3.3 = 3.3.1+3.3.2)	50.109,05	50.109,05	19.476,01	8.034,73	14.763,54	6.924,86	909,91
3.3.1	Kinh phí mua sắm thiết bị dạy học	3.556,98	3.556,98	462,94	-	1.715,00	552,91	826,13
3.3.2	Kinh phí cải tạo, nâng cấp CSVC	46.552,07	46.552,07	19.013,08	8.034,73	13.048,54	6.371,95	83,77
3.4	Hỗ trợ CSVC trường chuyên (3.4 = 3.4.1+3.4.2)	2.102,86	2.102,86	-	2.102,86	-	-	-
3.4.1	Kinh phí mua sắm thiết bị dạy học	-	-	-	-	-	-	-
3.4.2	Kinh phí cải tạo, nâng cấp CSVC	2.102,86	2.102,86	-	2.102,86	-	-	-
3.5	Hỗ trợ CSVC trường sư phạm (3.5 = 3.5.1+3.5.2)	11.028,00	11.028,00	-	8.000,00	2.000,00	600,00	428,00
3.5.1	Kinh phí mua sắm thiết bị dạy học	-	-	-	-	-	-	-
3.5.2	Kinh phí cải tạo, nâng cấp CSVC	11.028,00	11.028,00	-	8.000,00	2.000,00	600,00	428,00
4	Dự án 4: Nâng cao năng lực cán bộ quản lý Chương trình và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình	797,40	797,40	-	360,00	189,00	99,00	149,40
5	Dự án 5: Đào tạo nguồn nhân lực CNTT và ứng dụng CNTT trong	227,49	227,49	227,49	X	X	X	X
6	Dự án 6: Tăng cường năng lực đào tạo các cơ sở giáo dục	26.797,30	26.797,30	26.797,30	X	X	X	X

Ghi chú: - Kinh phí TW thực hiện 2011 không tính số dư kinh phí từ năm 2010 chuyển sang.

- Kinh phí thực hiện là số kinh phí đã được giải ngân.

- Các đơn vị không thêm, bớt dòng và cột.

Đơn vị: triệu đồng

STT	Dự án	Kinh phí huy động thực hiện tại địa phương giai đoạn 2011 - 2015					
		Tổng số	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
A	B	8=9+...+13	9	10	11	12	13
	Tổng cộng = (Dự án 1+ Dự án 2+Dự án 3+ Dự án 4 + Dự án 5 + Dự án 6)	62.986,20	1.641,20	4.579,20	9.519,60	12.268,50	34.977,70
1	Dự án 1: Hỗ trợ phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học (1= 1.1+1.2+1.3)	-	-	-	-	-	-
1.1	Hỗ trợ phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi	-	-	-	-	-	-
	Trong đó: Mua sắm thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	-	-	-	-	-	-
1.2	Hỗ trợ xóa mù chữ, chống tái mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học	-	-	-	-	-	-
1.3	Hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học	-	-	-	-	-	-
2	Dự án 2: Tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân (2=2.1+2.2+2.3)	62.986,20	1.641,20	4.579,20	9.519,60	12.268,50	34.977,70
2.1	Khảo sát và bồi dưỡng giáo viên	2.696,00	-	-	-	2.696,00	-
2.2	Hỗ trợ mua sắm thiết bị dạy và học ngoại ngữ	60.290,20	1.641,20	4.579,20	9.519,60	9.572,50	34.977,70
2.3	Hoạt động khác	-	-	-	-	-	-
3	Dự án 3: Hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn, hỗ trợ CSVC trường chuyên, trường sư phạm	-	-	-	-	-	-
	Trong đó: Nguồn vốn đầu tư	-	-	-	-	-	-
3.1	Hỗ trợ thực hiện Đề án 1640 (QĐ 1640/QĐ-TTg) (3.1=3.1.1+3.1.2)	-	-	-	-	-	-
	Trong đó: Hỗ trợ trường có trong danh sách 48 trường PTDTNT tại QĐ 1640/QĐ-TTg	-	-	-	-	-	-
	: Trong đó nguồn vốn đầu tư	-	-	-	-	-	-
3.1.1	Kinh phí mua sắm thiết bị dạy học	-	-	-	-	-	-
3.1.2	Kinh phí cải tạo, nâng cấp CSVC	-	-	-	-	-	-
3.2	Hỗ trợ thực hiện Đề án 2123 (QĐ 2123/QĐ-TTg) (3.2 = 3.2.1+3.2.2)	-	-	-	-	-	-
3.2.1	Kinh phí mua sắm thiết bị dạy học	-	-	-	-	-	-
3.2.2	Kinh phí cải tạo, nâng cấp CSVC	-	-	-	-	-	-
3.3	Hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn (3.3 = 3.3.1+3.3.2)	-	-	-	-	-	-
3.3.1	Kinh phí mua sắm thiết bị dạy học	-	-	-	-	-	-
3.3.2	Kinh phí cải tạo, nâng cấp CSVC	-	-	-	-	-	-
3.4	Hỗ trợ CSVC trường chuyên (3.4 = 3.4.1+3.4.2)	-	-	-	-	-	-
3.4.1	Kinh phí mua sắm thiết bị dạy học	-	-	-	-	-	-
3.4.2	Kinh phí cải tạo, nâng cấp CSVC	-	-	-	-	-	-
3.5	Hỗ trợ CSVC trường sư phạm (3.5 = 3.5.1+3.5.2)	-	-	-	-	-	-
3.5.1	Kinh phí mua sắm thiết bị dạy học	-	-	-	-	-	-
3.5.2	Kinh phí cải tạo, nâng cấp CSVC	-	-	-	-	-	-
4	Dự án 4: Nâng cao năng lực cán bộ quản lý Chương trình và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình	-	-	-	-	-	-
5	Dự án 5: Đào tạo nguồn nhân lực CNTT và ứng dụng CNTT trong	-	-	X	X	X	X
6	Dự án 6: Tăng cường năng lực đào tạo các cơ sở giáo dục	-	-	X	X	X	X

Ghi chú: - Kinh phí TW thực hiện 2011 không tính số dư kinh phí từ năm 2011

- Kinh phí thực hiện là số kinh phí đã được giải ngân.

- Các đơn vị không thêm, bớt dòng và cột.

BÁO CÁO CHỈ SỐ GIÁM SÁT - ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Giai đoạn: 2011 - 2015

STT	Dự án	Đơn vị	Mục tiêu, kế hoạch giai đoạn 2011-2015	Kết quả thực hiện giai đoạn 2011 - 2015						Tỉ lệ % so với mục tiêu, kế hoạch	Ghi chú
				Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015		
A	B	C	I	2	3	4	5	6	7=2+...+6	8=7/1	D
	Thông tin chung										
	Tổng số huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh/thành phố (gọi chung là huyện)	Huyện	X	12	11	11	11	11	X	X	
	Tổng số xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã)	Xã	X	169	159	159	159	159	X	X	
	Dân số 5 tuổi	Trẻ	X	25.040	24.587	24.587	24.587	23.565	X	X	
	Dân số 15-35 tuổi	Người	X	64.166	532.794	532.794	532.794	532.794	X	X	
	Dân số 15-60 tuổi	Người	X	1.036.093	1.018.125	1.018.125	1.018.125	1.018.125	X	X	
I	Dự án 1: Hỗ trợ phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học										
1.1	Phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi										
	Số bộ Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu được trang bị	Bộ	854	116	343	266	66	63	854	100,00	
	Số bộ đồ chơi ngoài trời được trang bị	Bộ	150		33	33	60	24	150	100,00	
	Số bộ thiết bị làm quen máy tính được trang bị	Bộ	410		110	164		136	410	100,00	
	Số trẻ em 5 tuổi được học mẫu giáo	Trẻ	122.956	23.925	23.915	24.347	24.391	23.430	120.008	97,60	
	Số trẻ em 5 tuổi được học 2 buổi/ngày	Trẻ	94.536	12.332	17.721	16.513	24.705	23.265	94.536	100,00	
	Số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi mức 1	Xã		-	-	69	-		0	-	
	Số huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi mức 1	Huyện	11	-	1	5	8	11	11	100,00	
1.2	Xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học										
	Số người được điều tra về mù chữ trong độ tuổi 15-60	Người		325	-	-	-		325	-	
	Số người mù chữ trong độ tuổi 15-60 được huy động đến các lớp xóa mù chữ	Người	1.100	798	800	-	-		1.598	145,27	
	Số người tham gia lớp PCGD tiểu học	Người		-	-	-	-		0	-	
	Số xã đạt chuẩn PCGD tiểu học mức 1	Xã	70	60	63	159	-		0	-	
	Số xã đạt chuẩn PCGD tiểu học mức 2	Xã	10	4	6	7	-		0	-	
	Số huyện đạt chuẩn PCGD tiểu học mức 1	Huyện	11	-	-	11	11	11	11	100,00	

Trang văn bản chỉ đạo, điều hành: vbdh.ubndbinhdinh.vn

BIEU02_CHISO_GIAMSAT-DANH GIA



STT	Dự án	Đơn vị	Mục tiêu, kế hoạch giai đoạn 2011-2015	Kết quả thực hiện giai đoạn 2011 - 2015						Tỉ lệ % so với mục tiêu, kế hoạch	Ghi chú
				Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7=2+...+6	8=7/1	D
	Số huyện đạt chuẩn PCGD tiểu học mức 2	Huyện		-	-	-	-		0	-	
1.3	Phổ cập giáo dục trung học										
	Số người tham gia lớp PCGD trung học	Người	52	-	-	52	-	-	52	100,00	
	Số xã đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức 1	Xã		110	100	159	-		0	-	
	Số huyện đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức 1	Huyện	11	1	-	11	11	11	11	100,00	
2	Dự án 2: Tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân										
2.1	Tổng số giáo viên ngoại ngữ	Người									
	Trong đó: giáo viên ngoại ngữ phổ thông	Người			-		-		0	-	
2.2	Giáo viên dạy ngoại ngữ được khảo sát năng lực										
	Số giáo viên ngoại ngữ được khảo sát năng lực	Người	1.108	-	600	707	323	140	1.770	159,75	
	Trong đó: Giáo viên ngoại ngữ phổ thông được khảo sát năng lực	Người		-	-	-	-		0	-	
2.3	Bồi dưỡng giáo viên										
	Số giáo viên ngoại ngữ được bồi dưỡng trong nước	Người	1.350	290	210	300	50	140	990	73,33	
	Trong đó: Giáo viên ngoại ngữ phổ thông	Người		-	-	-	-	-	0	-	
	Số giáo viên ngoại ngữ được bồi dưỡng ở nước ngoài	Người	1	-	-	-	1		1	100,00	
	Trong đó: Giáo viên ngoại ngữ phổ thông	Người		-	-	-	-		0	-	
	Số giáo viên bộ môn khác được tham gia bồi dưỡng ngoại ngữ	Người	10	-	-	10	-		10	100,00	
	Trong đó: Giáo viên phổ thông	Người		-	-	-	-		0	-	
2.4	Số học sinh được học chương trình ngoại ngữ 10 năm										
	Tiểu học	HS	39.274	-	-	2.347	-	39.274	39.274	100,00	
	Trung học cơ sở	HS	32.863	-	-	2.563	-	32.863	32.863	100,00	
	Trung học phổ thông	HS	622	-	-	622	-	622	622	100,00	
	Giáo dục thường xuyên	HS		-	-	-	-		0	-	
2.5	Số học sinh, sinh viên được học chương trình ngoại ngữ mới										
	Trung cấp chuyên nghiệp	HS,SV		-	-	-	-		0	-	
	Cao đẳng	HS,SV		-	-	-	-		0	-	
	Đại học	HS,SV		-	-	-	-		0	-	
2.6	Số phòng dạy ngoại ngữ được trang bị thiết bị dạy học										
	Số phòng dạy ngoại ngữ được trang bị thiết bị dạy học thông dụng	Phòng		-	-	-	-		0	-	
	Trong đó: Số phòng dạy ngoại ngữ phổ thông được trang bị	Phòng		-	-	-	-		0	-	
	Số phòng dạy ngoại ngữ được trang bị thiết bị dạy học chuyên dụng	Phòng	11	11	-	-	-		11	100,00	
	Trong đó: Số phòng dạy ngoại ngữ phổ thông được trang bị	Phòng					-		0	-	

Trang văn bản chỉ đạo, điều hành: vbdh.ubndbinhdinh.vn

STT	Dự án	Đơn vị	Mục tiêu, kế hoạch giai đoạn 2011-2015	Kết quả thực hiện giai đoạn 2011 - 2015						Tỉ lệ % so với mục tiêu, kế hoạch	Ghi chú
				Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7=2+...+6	8=7/1	D
3	Dự án 3: Hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn, hỗ trợ CSVC trường chuyên, trường sư phạm										
3.1	Hỗ trợ thực hiện Đề án 1640 (QĐ 1640/QĐ-TTg)										
	Số trường được thụ hưởng kinh phí	Trường	5	-	5	-	-	-	5	100,00	
	Trong đó: Trường có trong danh sách 48 trường PTDTNT tại 1640/QĐ-TTg	Trường	5	-	5	-	-	-	5	100,00	
	Số phòng học được xây mới	Phòng	10	-	10	-	-	-	10	100,00	
	Số phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, phòng phục vụ học tập khác được xây mới	Phòng	49	-	16	33	-	-	49	100,00	
	Tổng số học sinh người dân tộc THCS, THPT	HS	3.343	-	-	3.343	-	-	3.343	100,00	
	Số học sinh dân tộc nội trú	HS	3.210	-	-	1.070	1.070	1.070	3.210	100,00	
	Số trường PTDTNT cấp huyện, tỉnh	Trường	5	-	5	-	-	-	5	100,00	
	Trong đó: Số trường đạt chuẩn quốc gia.	Trường		-	-	-	-	-	0	-	
3.2	Hỗ trợ thực hiện đề án 2123 (QĐ 2123/QĐ-TTg)										
	Số trường/điểm trường được thụ hưởng kinh phí tăng cường CSVC	Trường		-	-	-	-	-	0	-	
	Số phòng học được xây mới	Phòng		-	-	-	-	-	0	-	
	Số phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, phòng phục vụ học tập khác được xây mới	Phòng		-	-	-	-	-	0	-	
	Số bộ thiết bị dạy học được trang bị	Bộ		-	-	-	-	-	0	-	
3.3	Hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn										
	Sơ sở GD miền núi, khó khăn được hỗ trợ xây dựng, cải tạo CSVC, mua sắm trang thiết bị.	Cơ sở		-	-	-	-	-	0	-	
	Trong đó:- Số trường phổ thông dân tộc nội trú	Trường		-	-	-	-	-	0	-	
	- Số trường phổ thông dân tộc bán trú	Trường		-	-	-	-	-	0	-	
	Số phòng học được xây mới	Phòng		-	-	-	-	-	0	-	
	Số phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, phòng phục vụ học tập khác được xây mới	Phòng		-	-	-	-	-	0	-	
	Số bộ thiết bị dạy học được trang bị	Bộ		-	-	-	-	-	0	-	
3.4	Hỗ trợ CSVC trường chuyên										
	Số trường chuyên được thụ hưởng kinh phí	Trường	1	1	-	-	-	-	1	100,00	
	Số phòng học được xây mới	Phòng		-	-	-	-	-	0	-	
	Số phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, phòng phục vụ học tập khác được xây mới	Phòng		-	-	-	-	-	0	-	
	Số bộ thiết bị dạy học được trang bị	Bộ		-	-	-	-	-	0	-	
3.5	Hỗ trợ CSVC trường sư phạm										

STT	Dự án	Đơn vị	Mục tiêu, kế hoạch giai đoạn 2011-2015	Kết quả thực hiện giai đoạn 2011 - 2015						Tỉ lệ % so với mục tiêu, kế hoạch	Ghi chú
				Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2015		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7=2+...+6	8=7/1	D
	Số trường sư phạm được thụ hưởng kinh phí	Trường	1		1				1	100,00	
	Số phòng học được xây mới	Phòng	2	1	1	-	-		2	100,00	
	Số phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, phòng phục vụ học tập khác được xây mới	Phòng	17	1	16	-	-		17	100,00	
	Số bộ thiết bị dạy học được trang bị	Bộ		-	-	-	-		0	-	
4	Dự án 4: Nâng cao năng lực cán bộ quản lý Chương trình và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình										
4.1	Số người được tham gia tập huấn về quản lý, giám sát CTMTQG	Người	886		400	210	110	166	886	100,00	
4.2	Số lượt kiểm tra giám sát thực hiện	Số lượt									
	Số cuộc kiểm tra được thực hiện	Cuộc		-	-	-	-		0	-	
	Số đơn vị được kiểm tra	Đơn vị	5	-	-	5	-		5	100,00	
4.3	Hoạt động khác	Tr.đồng									
5	Dự án 5: Đào tạo nguồn nhân lực CNTT và ứng dụng CNTT trong giáo dục										
5.1	Số giáo viên, cán bộ tin học được bồi dưỡng nghiệp vụ về CNTT	Người			X	X	X	X	0	-	
5.2	Mua sắm thiết bị và kết nối mạng										
	- Máy vi tính	Cái			X	X	X	X	0	-	
	- Phần mềm	Bộ			X	X	X	X	0	-	
6	Dự án 6: Tăng cường năng lực đào tạo các cơ sở giáo dục										
6.1	Đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa	Trường	38	38	X	X	X	X	38	100,00	
6.2	Số phòng xây dựng mới	Phòng			X	X	X	X	0	-	

Ghi chú: Các đơn vị không thêm, bớt dòng và cột.